

BÚA ĐẬP TAN MA PHIỀN NÃO

Chân Dung Kim Cang Thủ Mật Tạng Chủ¹

Thuộc bộ pháp Khandro Nyingthik²
của Khai Mật Tạng Vương Kusum Lingpa

¹ Bản tiếng Tạng (bao gồm cả phần minh chú) dùng cho bản dịch này là bản gốc do Ngài Hungkar Dorje gửi. Theo giải thích của Rinpoche một số bản tiếng Tạng hiện đang được dùng có một số chỗ sai, ví dụ như chữ HRIH ở phần “Tán thán” (Praise). Trong bản gốc của phục diễn Lama Sang tại tu viện Lungon thì ở vị trí này là chữ HUNG. Hoặc sau minh chú HUNG VAJRA PHAT không có chữ OM VAJRA (mặc dù theo thói quen đôi khi có thể tụng VAJRA). Bạn đọc có thể tham khảo bản gốc tại trang web của tu viện Lungon [LINK](#). Các chữ ARGHAM ... trong bản gốc là dạng ẩn, rút gọn: ཨར་ཀམ་མེད་ཀྱི་མཚན་ལོ་མཚན་ལོ་མཚན་ལོ་. Để tiện cho người dùng Rinpoche đã gửi phiên bản đầy đủ của minh chú để sử dụng cho chế bản của bản dịch này.

² Tâm Yếu Dakini

ཏཱ་རྒྱལ་པོ་ཨོ་

HRIH

ཀུན་གྲགས་གཏི་མུག་མཁའ་ལྷན་ནཱ་མཁའ་ལྷན་པོ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

KA TAK NYUK MA LHEN KYÉ DÉ WA CHÉ

Originally pure, genuine, coemergent, supremely blissful,

Pháp tánh bất nhị bốn lai thường tịnh lạc

ཆོས་དབྱིངས་མཐའ་བཟུངས་པ་དེ་རྒྱུ་མཁའ་དེ་རྒྱུ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

CHÖ YING THA TRAL TRI MÉ RIK PAI SHI

the basic space of phenomena is free of limits and immaculate, the fundamentally unconditioned nature of intrinsic awareness.

chính là Chân như vô ngại của vạn pháp.

ཀུན་ནཱ་མཁའ་ལྷན་པོ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

KÜN NANG MA GAK CHU LÉ NYA PHAR ZHIN

The universal manifestation appears unimpeded in a single instant of total recall,

Như con cá vọt khỏi nước,

སྐྱེ་ནཱ་ཅིག་དེ་རྒྱུ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

KÉ CHIK TREN DZOK DÉ SHEK YONG DÜ PAL

like a fish leaping from water—the glorious deity who unites all sugatas,

Uy nộ kim cang, Tổng nhiếp thiện thế³,

རྒྱལ་པོ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

GYAL WA KÜN KYI SANG WAI DZÖ DZIN PA

the fierce vajra, Vajrapani,

Mật tạng chủ⁴ Kim Cang Thủ

རྒྱལ་པོ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

DO JÉ TUM PO CHAK NA DO JÉ DZIN

holder the treasury of the secrets of all Victorious Ones

hốt nhiên⁵ thị hiện trong một sát-na⁶ chánh niệm.

མཐའ་བཟུངས་པ་དེ་རྒྱུ་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

THING NAK KAR GUI NYAM DEN JIK ZUK BAR

His radiant and terrifying form is dark blue-black, embodying the nine moods of the wrathful dance.

Thân tướng xanh đen sáng chói kinh khủng của Ngài

hiện đủ chín sắc tướng của điệu vũ phần nộ.

ཕྱག་ལམས་རྒྱལ་པོ་ཨོ་

CHAK YÉ DO JÉ YÖN PAI MÉ KHYUNG NAM

His right hand holds a vajra and from his left issues a garuda of fire.

Tay phải cầm chày kim cang,

từ tay trái phóng kim xí điều lửa,

ཁྱེད་ཀྱི་མཁའ་ལྷན་པོ་ཨོ་

THRO WOI CHÉ KÜN MA LÜ YONG SU DZOK

He wears the wrathful adornments in their entirety

Ngài đeo đủ trang sức phần nộ tôn ghê rợn

³ Ngài là hợp nhất của tất cả chư Phật.

⁴ Vị Phật nắm giữ kho tàng Mật Pháp.

⁵ Bất thình lình, như trong chữ “hốt nhiên đại ngộ”.

⁶ Khoảng thời gian ngắn nhất có thể, theo Phật giáo.

ཡེ་ཤེ་མཎ་མེ་ཏན་པུ་ངར་འཁྲུང་ལྷ་ལྷོ་བའི་ཏག་ལོ་ངར་ན་འཁྲུང་ལྷ་ལྷོ་ངས་༥

YÉ SHE MÉ PUNG KHYIL WAI LONG NA GYING

and stands in the midst of a vast expanse of massing flames of pristine awareness.

và đứng giữa vòm lửa Giác tánh rộng lớn.

སྤྱུ་ལྷོ་བོ་ར་ར་འགྲོ་མཐོ་བའི་ཏག་ལོ་ངར་ན་འཁྲུང་ལྷ་ལྷོ་ངས་༥

CHI WOR RIK DAK WANG CHEN TA CHOK PAL

On the crown of his head is the lord of his family, the glorious and supremely powerful Hayagriva,

Trên đỉnh của Ngài là bộ chủ vinh quang -

དམར་ཏག་མེ་ཏམ་རྩ་ངར་རྩ་མག་ཏལ་རྩ་ཞུ་ར་འཁོར་རྩ་༥

MAR NAK MÉ TRENG TA GO JANG ZHUR TSER

Marnag Met'hreng, with a neighing green horse's head with a white blaze (protruding from his head).

Đại lực Mã Đầu Minh Vương⁷ Ma-nác Mét-tren -

với đầu ngựa xanh lục đang hí⁸ giữa hào quang sáng rực.

གཡས་པས་རལ་ཏག་རྩ་གཡོ་ན་པས་ལ་ཅུ་གས་ཏག་ལྷོ་བས་མས་༥

YÉ PÉ RAL TRI YÖN PÉ CHAK KYU NAM

In his right hand he wields a sword, in his left an iron hook.

Tay phải vung kiếm, tay trái cầm móc sắt,

སྟག་ཤམ་རུ་སྤར་གཡམ་ན་ཁ་རྩ་ཆས་རྩ་མས་སྤར་སྤར་༥

TAK SHAM RŨ GYEN TRO CHÉ TU MÉ TRÉ

He wears a tiger skin skirt, bone ornaments, and is adorned with many wrathful accoutrements.

Ngài mặc khố da cọp, trang nghiêm bởi các món

khủng khiếp bằng xương của uy mãnh tôn.

ཐུགས་ཏག་ར་ཉི་ཟེལ་པད་འཁྲུག་ན་གཡོ་མ་རྩ་ང་༥

THUK KAR NYI DA PEMÉ DEN KYI TENG

In Vajrapani's heart, on a seat of lotus, sun disk and moon disk,

Trong tim Kim Cang Thủ, trên tòa sen, nhật nguyệt⁹ luân,

གནམ་ལ་ཅུ་གས་ར་རྩ་རྩ་འཁྲུག་ཏལ་རྩ་བའི་ནང་༥

NAM CHAK DO JÉ TSÉ GU TÉ WAI NANG

is a nine-pronged vajra of meteoric iron. In the center of its hub

có chày kim cang chín chấu sắt thiên thạch.

ཉི་ཟེལ་ཁ་པས་བཟོ་ར་ག་རུ་ཡངས་པའི་དབུས་༥

NYI DA KHA JOR KA U YANG PAI WÜ

is a spacious locket formed of a sun disk and moon disk, in the center of which

Trong tâm chày có đài nhật nguyệt¹⁰ dẹt, rộng.

ཐུགས་སྤྱོད་ག་རྩ་ཅུ་མཐར་སྤྱོད་གས་མ་རྩ་ང་གཡས་བསྐྱོར་ལས་༥

THUK SOK HUNG THAR NGAK TRENG YÉ KOR LÉ

is the life force syllable HUNG surrounded by the mantra spinning clockwise.

Chính giữa đài có chủng tự sinh lực HUNG,

quay quanh là minh chú thuận chiều kim đồng hồ¹¹.

འོ་དེ་བཟོ་ར་མེ་ཡེ་འཁོར་ཁོར་བའ་ལ་སྤོས་པས་༥

Ö ZER MÉ YI TSA TSA RAP TRÖ PÉ

⁷ Hayagriva

⁸ HRIH là tiếng hí của Mã Đầu Minh Vương.

⁹ Đĩa mặt trời và đĩa mặt trăng.

¹⁰ Đĩa mặt trời và đĩa mặt trăng có hình một hộp dẹt, rộng và chính giữa hộp có chủng tự HUNG.

¹¹ Vòng minh chú quay xung quanh chủng tự HUNG theo chiều kim đồng hồ.

Từ đó phóng ra những tia sáng cực nóng, xet lửa.

NÖ CHÉ TRIB DÖN CHA DRO MER SEK ZHIN

Như lông chim bỏ trong lửa, mọi chướng quỷ ác ma,

THAM CHÉ MA LÜ ZHOB THUL SEK PAR KYUR

đều bị thiêu đốt thành tro và cháy tan.

HUNG VAJRA PHÉ

**ARGHAM¹² PA TYAM PUPE THUPPÉ A LO KÉ KHANDHÉ NYA WÉ TYA SHAPTA TRA
TITSTSA SA HA**

Tán thán:

HUNG GYAL PA KÜN KYI SANG WAI DZÖ DZIN PA

HUNG¹³ Hối đấng Mật tạng chủ của chư Phật,

TRIN LÉ NO NYUR NGA WAI HÉ RU KA

Ngài là phần nộ minh vương công hạnh thần tốc,

MA RUNG TRIB DÖN JUNG PO'I SHÉ MA CHÉ

là đấng hủy diệt ác quỷ, phiền não ma,

CHAK NA DO JÉ DZIN LA CHAK TSAL TÖT

con xin đánh lễ, tán thán đức Kim Cang Thủ.

GÉ WÉ DRO NAM SANG GYÉ NYUR THOB SHOK

Nương công đức này nguyện tất cả hữu tình,

đều sớm viên thành quả bồ đề vô thượng.

¹² Rinpoche giải thích rằng trong bản gốc của phục diễn, trước ARGHAM ... không có chữ OM VAJRA, vì vậy không cần tụng, mặc dầu trong MP 3 Rinpoche có tụng.

¹³ Rinpoche nói rằng trong phục điển (terma) của đức Kusum Lingpa chữ này phải là HUNG, tuy nhiên trong một số bản tiếng Tang hiện đang lưu hành chữ này lại là HRIH.

[illegible]

Samaya! The practice is accomplished by reciting some ten million mantras as the requisite number within a state of unwaivering meditative absorption, and you will gain sublime and ordinary accomplishments. You will behold the face of the vajra cannibal and bind the eight classes of arrogant ones to your service. Demonic spirits and hindrances will find no opportunity to harm you, to say nothing of preventing counterproductive conditions in this lifetime. A gem being placed in your hands does not come close to a hundredth or even a thousandth of this. Through this teaching one hundred thousand beings have the good fortune to attain the unsurpassable. This profound teaching of me, Padma, is set down purely for the specific needs of a monk who will be the last rebirth of the mad yogi of Kongpo. May this virtue serve as a cause for the three realms of cyclic existence to be dredged from their depths.

Samaya! Để đắc pháp tu này cần phải, trong thiền định kiên cố, trì tụng ít nhất là mười triệu minh chủ (số thiết yếu), rồi các người sẽ đạt thành tựu tối thắng và tương đối. Các người sẽ được diện kiến Uy Nộ Kim Cang và nhiếp phục được thiên long bát bộ kiêu mạn. Các loài ác quỷ chướng ma sẽ không thể làm hại người, ấy là chưa nói đến việc các người sẽ ngăn chặn được nghịch duyên trong đời này. Dù một viên ngọc đặt trong lòng bàn tay người cũng không thể sánh được dù chỉ một phần trăm, thậm chí một phần nghìn, pháp tu này. Nhờ pháp tu này mà hàng chục vạn người có phước duyên đã đạt thành tựu tối thượng. Giáo pháp thâm diệu này của ta, Liên Hoa Padma, được ghi lại chỉ do nhu cầu đặc biệt của một vị tăng là tái sanh cuối cùng của bậc yogi diên xứ Kongpo. Nguyên công đức này sẽ là nhân cho tam giới luân hồi thấy đều rõ ràng.

Theo chỉ dẫn của Ngài Hungkar Dorje, Lotsawa đã Việt dịch nghi quỹ này, dùng bản gốc tiếng Tạng do Rinpoche gửi. Rinpoche đã giải thích về một số sai sót trong một vài nghi quỹ hiện đang được dùng ở một số nơi cần sửa để đúng với phục điển gốc của Lama Sang (Đức Kusum Lingpa) tại tu viện Lungon. Ví dụ chữ HRIH phải được thay bằng HUNG trong phần “Tán thán” và v. v. (xin xem

phần chú thích của bản dịch này). Bản dịch đã được Rinpoche duyệt và gia trì ngày 22.4.2020.

Việt dịch: Lotsawa (Hiếu Thiện).

Hiệu đính phiên âm quốc tế: Hải Losang.

Phiên âm tiếng Tạng bằng hệ thống: Padmakara EN - Int.Simplified Phonetics từ website:

<https://www.thlib.org>